

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BAN CHỈ ĐẠO GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG AIDS - MA TUÝ

**MỘT SỐ VĂN BẢN
THI HÀNH LUẬT PHÒNG CHỐNG MA TUÝ
TRONG TRƯỜNG HỌC**

HÀ NỘI 5 - 2005

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**MỘT SỐ VĂN BẢN
THI HÀNH LUẬT PHÒNG CHỐNG MA TUÝ
TRONG TRƯỜNG HỌC**

Hà Nội 5/2005

Lời nói đầu

Ma tuý ngày nay không còn là vấn đề riêng của một quốc gia nào, mà đã trở thành một vấn đề toàn cầu, là một hiểm hoạ không chỉ cho một dân tộc, mà là hiểm hoạ chung của cả loài người.

Ở Việt Nam, tệ nạn ma tuý không chỉ gây thiệt hại lớn về kinh tế, mà còn là nguồn gốc làm phát sinh, phát triển các loại tội phạm, gây mất ổn định trật tự xã hội, làm băng hoại đạo đức, quan hệ thầy trò, phá vỡ hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng xấu đến nòi giống và sự tồn vong của dân tộc.

Ngày 9 tháng 12 năm 2000 tại kỳ họp thứ 8 khoá 10 Quốc hội đã thông qua Luật Phòng chống ma tuý tại văn bản số 23/2000/QH10.

Để giúp các Sở, các trường, thực hiện Luật Phòng chống ma tuý, chúng tôi soạn thảo các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, các văn bản chỉ đạo liên Bộ và văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm phục vụ cho công tác giáo dục PCMT ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường phổ thông các cấp.

Các Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường cần tổ chức triển khai đến từng học sinh, sinh viên, cán bộ, giáo viên trong trường thực hiện mục tiêu *ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới năm 2010 xoá bỏ về cơ bản tệ nạn ma tuý trong học sinh, sinh viên; quyết tâm xây dựng bằng được "nhà trường không có ma tuý"*.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 49/2005/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc phê duyệt “Kế hoạch tổng thể
phòng, chống ma túy đến năm 2010”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt “Kế hoạch tổng thể phòng, chống ma túy đến năm 2010” với các nội dung chính sau đây:

1. Mục tiêu

Nâng cao nhận thức của mọi người trong toàn xã hội về ma túy, tệ nạn ma túy và công tác phòng, chống ma túy; ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn ma túy đến năm 2015 cơ bản thanh toán được tệ nạn ma túy trong cả nước, góp phần phát triển xã hội lành mạnh, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đồng thời tích

cực tham gia vào cuộc đấu tranh phòng, chống ma túy trong khu vực và trên thế giới.

2. Nhiệm vụ

a) Nâng cao nhận thức của mọi người về tác hại của ma túy, phát huy tính chủ động của mỗi người, tự nguyện cùng với cộng đồng tham gia phòng, chống tệ nạn ma túy.

b) Phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vận chuyển ma túy bất hợp pháp.

c) Ngăn chặn, phát hiện kịp thời và hủy bỏ triệt để cây thuốc phiện và cây có chứa các chất gây nghiện khác, không để lưu hành bất hợp pháp các loại thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; kiểm soát chặt chẽ tiền chất, phòng ngừa và ngăn chặn sản xuất trái phép ma túy từ tiền chất.

d) Kiểm chế tốc độ gia tăng người nghiện mới, giảm tỷ lệ tái nghiện, phấn đấu đến năm 2010 giảm từ 20-30% số người nghiện ma túy so với năm 2001; 70% số xã, phường, thị trấn không có người nghiện và tội phạm ma túy, 90% các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang không có người nghiện ma túy.

đ) Đa dạng hoá các hình thức cai nghiện ma túy. Phấn đấu đến năm 2010 có trên 80% số người nghiện ma túy được cai nghiện tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

e) Ngăn chặn hiện tượng tiêm chích ma túy, góp phần giảm sự lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác. Hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật của người nghiện ma túy.

Điều 2. Các giải pháp chính:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền về công tác phòng, chống ma túy; nhiệm vụ phòng, chống ma túy phải là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương. Huy động toàn dân tham gia phòng, chống ma túy, từng bước ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn ma túy. Quy định rõ trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, trường học, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác trong công tác phòng, chống ma túy.

2. Triển khai đồng bộ các loại hình thông tin, tuyên truyền, giáo dục sâu rộng nhiệm vụ phòng, chống ma túy với nội dung và hình thức phù hợp cho các loại đối tượng. Tập trung tuyên truyền ở những tuyến, địa bàn trọng điểm trong thanh, thiếu niên, đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào vùng sâu, vùng xa và các nhóm đối tượng có nguy cơ cao, tạo ra phong trào sâu rộng trong toàn dân lên án, phát hiện, tố giác và tham gia đấu tranh phòng, chống ma túy.

Tăng cường công tác truyền thông trực tiếp; nghiên cứu, biên soạn phát hành các tài liệu về tác hại của ma túy, biện pháp và kinh nghiệm phòng, chống

ma tuý; các biện pháp phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác qua đường tiêm chích ma tuý.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác trong công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma tuý. Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá”, “Xây dựng gia đình, địa bàn không có người nghiện và tội phạm ma tuý”. Phòng, chống ma tuý phải là một tiêu chí thi đua trong các cơ quan, tổ chức, trường học, doanh nghiệp, v.v...

3. Củng cố về số lượng và chất lượng các lực lượng chuyên trách phòng chống tội phạm ma tuý. Chú trọng công tác nắm tình hình, điều tra, ngăn chặn có hiệu quả hoạt động vận chuyển ma tuý qua biên giới. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và Hải quan trong đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma tuý tại địa bàn biên giới, cửa khẩu, trên biển, đặc biệt là các địa bàn và tuyến trọng điểm.

Phối hợp chặt chẽ với các nước có chung biên giới, các nước ASEAN và các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông trong nhiệm vụ phòng, chống ma tuý.

4. Tăng cường luật pháp về phòng, chống tội phạm ma tuý và sản xuất trái phép ma tuý ở trong nước. Nâng cao năng lực thi hành pháp luật phòng, chống ma tuý cho các lực lượng chuyên trách phòng, chống

tội phạm ma tuý, đảm bảo đủ sức điều tra, phát hiện, ngăn chặn, triệt phá và bắt giữ tội phạm ma tuý.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm ma tuý. Phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Công an các cấp, nhất là cấp xã, phường, thị trấn với các cơ quan, tổ chức cùng cấp, gia đình và toàn xã hội nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của người nghiện ma tuý, quản lý người nghiện trên địa bàn, cơ sở.

Bổ sung, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định cụ thể để kiểm soát chặt chẽ các khâu sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, phân phối, bảo quản và sử dụng tiền chất. Chú trọng công tác lập kế hoạch, chế độ cấp phép hoạt động kinh doanh tiền chất, chế độ báo cáo, thanh tra, kiểm tra, giám sát và phối hợp trao đổi thông tin.

Đấu tranh, phát hiện, ngăn chặn và triệt phá kịp thời việc sản xuất, vận chuyển, mua bán trái phép tiền chất để sản xuất các chất ma tuý. Đồng thời phối hợp với các lực lượng phòng, chống ma tuý của các nước láng giềng trong việc xoá bỏ các cơ sở sản xuất ma tuý ở khu vực biên giới.

Quản lý và kiểm soát chặt chẽ chống thất thoát các loại thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần được phép lưu hành, sử dụng trong lĩnh vực y tế và công nghiệp.

Hàng năm, tổ chức các đợt cao điểm truy quét tội phạm, không để tồn tại các tụ điểm mua bán và sử dụng ma tuý trái phép.

Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ phòng, chống ma tuý tại các trường của Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và Hải quan.

Tăng cường năng lực cho các cơ sở giám định ma tuý, đặc biệt là các cơ sở thuộc Bộ Công an để có đủ khả năng giám định ma tuý, quản lý, chỉ đạo và hướng dẫn công tác giám định ma tuý và tiên chất theo quy định của pháp luật.

Ưu tiên đầu tư phương tiện, trang thiết bị, chó nghiệp vụ cho công tác phòng, chống tội phạm về ma tuý.

Xây dựng hệ thống dữ liệu thống kê về phòng, chống ma tuý. Thiết lập hệ thống thông tin và quy chế trao đổi thông tin trong từng lực lượng và giữa các lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm ma tuý trong cả nước.

Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành Công an, Toà án, Kiểm sát trong công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án về ma tuý, đảm bảo kịp thời và nghiêm minh.

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, khu vực và cơ quan chức năng phòng, chống tội phạm ma tuý của các nước trong việc trao đổi thông tin, truy nã, bắt

giữ tội phạm ma tuý, tương trợ tư pháp, thực hiện các chuyên án đấu tranh chống ma tuý trên phạm vi quốc tế.

5. Giảm tốc độ gia tăng người nghiện mới và nâng cao hiệu quả cai nghiện ma tuý.

Các cơ quan, các tổ chức thường xuyên rà soát, cập nhật số người nghiện ma tuý để có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời việc phát sinh người nghiện mới.

Tiến hành đồng bộ các biện pháp giảm cung, giảm cầu ma tuý. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội để đảm bảo cai nghiện cho đại bộ phận số người nghiện ma tuý có hồ sơ quản lý, đồng thời tăng cường cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, chống tái nghiện ma tuý.

Xử lý kiên quyết theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng nghiện ma tuý lâu năm, tái nghiện nhiều lần.

Đẩy mạnh xã hội hoá nhiệm vụ cai nghiện ma tuý. Chú trọng hình thức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng; khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và tư nhân tổ chức cai nghiện cho người nghiện ma tuý.

Đẩy mạnh nghiên cứu các vấn đề về ma tuý, các phương pháp và thuốc cai nghiện ma tuý, phục hồi sức khoẻ cho người nghiện ma tuý. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán

bộ y tế làm việc trong lĩnh vực cai nghiện và điều trị, phục hồi sức khoẻ cho người nghiện ma tuý.

Lồng ghép chương trình cai nghiện, quản lý và tái hoà nhập cộng đồng cho người sau cai nghiện ma tuý vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

6. Xoá bỏ và thay thế các loại cây có chứa chất ma tuý

- Chính quyền các cấp cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội ở địa phương để phát hiện và xoá bỏ hiện tượng trồng cây có chứa chất ma tuý. Kết hợp vận động, tuyên truyền giáo dục với xử lý hành chính, hình sự đối với các đối tượng trồng cây có chứa các chất ma tuý.

- Tiếp tục bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách ưu tiên, đồng thời lồng ghép các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, phát triển cơ sở hạ tầng, văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội, tạo nguồn thu nhập ổn định, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ở các vùng thực hiện xoá bỏ và thay thế việc trồng cây có chứa chất ma tuý.

Lồng ghép chương trình xoá bỏ và thay thế cây có chứa chất ma tuý với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

7. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống ma tuý

Bổ sung, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Tố tụng hình sự, Luật phòng, chống ma túy, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến công tác phòng, chống ma túy. Xây dựng hành lang pháp lý đầy đủ và đồng bộ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác phòng, chống ma túy và thi hành pháp luật về phòng, chống ma túy.

Ban hành bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát tiền chất, điều trị và phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy, quản lý các đối tượng sau cai nghiện ma túy.

Tham gia, ký kết và tổ chức thực hiện các Điều ước Quốc tế về công tác phòng, chống ma túy. Sửa đổi, bổ sung một số quy định trong hệ thống văn bản pháp luật cho phù hợp với các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

8. Kiện toàn tổ chức bộ máy phòng, chống ma túy

Bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm cho phù hợp với tình hình mới. Kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm ở các Bộ, ngành, các cơ quan, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là cấp cơ sở xã, phường, thị trấn.

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy của các cấp để thực hiện có hiệu quả Luật phòng, chống ma túy.

Củng cố và tăng cường năng lực các lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy của Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng và Cảnh sát biển.

9. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tăng cường và mở rộng các hoạt động hợp tác với cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm của Liên Hợp Quốc, của các tổ chức quốc tế và các nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là các nước láng giềng để học tập, chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi thông tin và phối hợp điều tra bắt giữ tội phạm ma túy, ngăn chặn có hiệu quả ma túy xâm nhập vào nước ta và các hoạt động phòng, chống ma túy quốc tế.

Tranh thủ sự ủng hộ quốc tế về kinh nghiệm, kỹ thuật, trang thiết bị và tài chính cho các hoạt động phòng, chống ma túy ở Việt Nam thông qua các dự án hỗ trợ kỹ thuật thuộc các lĩnh vực ưu tiên (có phụ lục kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế và các cơ quan liên quan tổng hợp, đánh giá kết quả và rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Chương trình hành động phòng, chống ma túy giai đoạn 2001-2005, để tổ

chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tổng thể phòng, chống ma tuý đến năm 2010.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chỉ đạo, cụ thể hoá và triển khai thực hiện trên địa bàn Kế hoạch tổng thể phòng, chống ma tuý đến năm 2010; chủ động đầu tư nhân lực, ngân sách, cơ sở vật chất cho các hoạt động phòng, chống ma tuý, tổ chức cai nghiện ma tuý, quản lý, dạy nghề, tạo việc làm, chống tái nghiện và tái hoà nhập vững chắc với cộng đồng cho những người sau cai nghiện ma tuý.

3. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn việc triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể phòng, chống ma tuý đến năm 2010; chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch của các Bộ, ngành và các tỉnh trọng phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Theo ngành dọc chỉ đạo các cơ quan phòng, chống ma tuý các cấp tăng cường phát hiện, điều tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm đối tượng sản xuất, buôn bán ma tuý trái phép; xoá bỏ triệt để các tụ điểm sử dụng ma tuý trái phép trên toàn quốc. Kiểm soát chặt chẽ tiền chất có thể dùng để sản xuất ma tuý bất hợp pháp.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo và tổ chức cai nghiện ma tuý cho các phạm nhân, trại viên, học viên đang thi hành án, cải tạo, học

tập trong các trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, trại tạm giam, nhà tạm giữ; thực hiện các thủ tục cần thiết để đưa người nghiện ma túy vào các cơ sở chữa bệnh và cai nghiện tại xã, phường, thị trấn và các cơ sở cai nghiện tập trung; quản lý các đối tượng sau khi cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Y tế, Công an và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách về tổ chức cai nghiện ma túy và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, hướng dẫn việc thực hiện quy chế quản lý hoạt động của các cơ sở, các tổ chức cai nghiện ma túy.

c) Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới xây dựng Đề án cai nghiện ma túy ở khu vực biên giới và hải đảo.

5. Bộ Y tế:

a) Chủ trì nghiên cứu phòng, chống tệ nạn nghiện ma túy, nghiên cứu quản lý, triển khai ứng dụng các loại thuốc cai nghiện ma túy và hướng dẫn thực hiện các biện pháp y tế để cai nghiện ma túy; phối hợp với các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo và tăng cường đầu tư cán bộ và trang thiết bị y tế cho công tác cai nghiện.

b) Quản lý và kiểm soát việc sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất dùng trong sản xuất dược phẩm và nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp giảm tác hại của ma túy đến sức khỏe cộng đồng, lồng ghép các biện pháp giảm lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm qua đường tiêm chích ma túy.

6. Bộ Quốc phòng:

a) Chỉ đạo Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng, Cục Cảnh sát biển chủ trì, phối hợp với các lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy khác tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy tại khu vực biên giới và trên biển.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân các cấp phát hiện và xóa bỏ kịp thời việc trồng các loại cây có chứa chất ma túy.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu hình thức cai nghiện ma túy phù hợp ở khu vực biên giới, hải đảo, phối hợp với các Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới xây dựng Đề án cai nghiện ma túy ở khu vực biên giới và hải đảo.

7. Bộ Văn hoá - Thông tin:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chỉ đạo cơ quan thông tin các cấp đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về tác hại của ma túy, các biện pháp phòng, chống ma túy trên toàn quốc; đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và các nhóm đối tượng có nguy cơ cao về ma túy.

b) Lồng ghép Chương trình thông tin tuyên truyền giáo dục phòng, chống ma túy với Chương trình xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” và các chương trình hoạt động văn hoá-thông tin khác.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức triển khai chương trình giáo dục kiến thức và kỹ năng phòng, chống ma túy trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và chương trình giảng dạy của các trường học.

b) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp xây dựng nhà trường không có ma túy.

c) Tổ chức triển khai có hiệu quả Dự án “Phòng, chống ma túy trong trường học giai đoạn 2004-2010”.

9. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và Ủy ban Dân tộc chỉ đạo xoá bỏ và thay thế cây có chứa chất ma túy.

b) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhân dân chuyển dịch cơ cấu sản xuất thay thế cây có chứa ma túy.

10. Bộ Tài chính:

a) Chỉ đạo Tổng cục Hải quan củng cố và kiện toàn tổ chức chuyên trách phòng, chống ma túy, bảo đảm tính chuyên sâu, đủ năng lực phát hiện và kiểm soát ma túy qua các cửa khẩu và các khu vực kiểm soát của Hải quan theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí cho các hoạt động phòng, chống ma túy trong kinh phí chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, ngành và các địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí phòng, chống ma túy theo quy định của pháp luật.

11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tổng hợp các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, các dự án phòng, chống ma túy do các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan xây dựng trình Chính phủ đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn vốn trong và ngoài nước.

c) Phân bổ các nguồn lực trong và ngoài nước cho nhiệm vụ phòng, chống ma túy.

d) Đánh giá hiệu quả hoạt động của Chương trình phòng, chống ma túy, đồng thời thống nhất với các cơ quan liên quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ những vấn đề bất cập trong khu thực hiện kế hoạch tổng thể phòng, chống ma túy đến năm 2010.

12. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy; phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, hướng dẫn công tác giám định tư pháp về phòng, chống ma túy.

13. Bộ Công nghiệp ban hành danh mục và Quy chế quản lý các loại tiền chất dễ bị lợi dụng để sản xuất ma túy.

14. Văn phòng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ điều hoà, phối hợp hoạt động của các Bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện kế hoạch phòng, chống ma túy và các hoạt động lồng ghép với các Chương trình phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống mại dâm.

15. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy; triển khai thực hiện các cam kết quốc tế về phòng, chống ma túy mà nước ta tham gia.

16. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng, tổ chức bộ máy và biên chế của các lực lượng phòng, chống

ma túy bảo đảm tính khoa học, hiệu quả theo hướng thống nhất, chuyên sâu, phù hợp với tình hình thực tiễn trên từng địa bàn và chức năng nhiệm vụ của từng lực lượng.

17. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng và các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gắn chương trình xoá bỏ hoặc thay thế cây có chứa chất ma túy với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở những vùng còn trồng hoặc tái trồng cây có chứa chất ma túy; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy ở vùng núi và vùng dân tộc ít người.

18. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với các Bộ: Công an, Quốc phòng, Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan trong việc chỉ đạo đẩy mạnh công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án về ma túy.

19. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tăng cường chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục, phối hợp thực hiện các biện pháp phòng, chống ma túy tại cộng đồng dân cư, trong công nhân, viên chức, trong học sinh, sinh viên; gắn giáo dục phòng, chống ma túy với phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, phòng, chống tội phạm và phòng, chống các tệ nạn xã hội. Giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy trên địa bàn; chủ động phát hiện và kiến

ngiht với cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống ma tuý trên địa bàn.

20. Các Bộ, ngành; các cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể phòng, chống ma tuý đến năm 2010 theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng quý sơ kết, đánh giá và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện; đồng gửi Bộ Công an để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí để thực hiện Kế hoạch tổng thể phòng, chống ma tuý đến năm 2010 được huy động từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, đóng góp của cộng đồng và tài trợ quốc tế.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí cho các hoạt động phòng, chống ma tuý trong kinh phí hàng năm của các Bộ, ngành cơ quan Trung ương và các địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; căn cứ vào tình hình thực tiễn, các Bộ, ngành và địa phương chủ động bố trí ngân sách cho công tác phòng, chống ma tuý.

Kinh phí phòng, chống ma tuý phải được tổ chức quản lý, sử dụng có hiệu quả. Bộ Công an phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí phòng, chống ma tuý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

KT/ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

PHÓ THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Phạm Gia Khiêm

PHỤ LỤC

Các lĩnh vực hỗ trợ kỹ thuật ưu tiên về phòng, chống ma túy giai đoạn 2006 - 2010

<i>TT</i>	<i>Lĩnh vực hỗ trợ ưu tiên</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Hành pháp	
1.1.	Tăng cường năng lực kiểm soát ma túy trên biên giới đất liền	
1.2.	Tăng cường năng lực cho các lực lượng kiểm soát ma túy tại các cảng hàng không, cảng biển	
1.3.	Tăng cường năng lực quản lý và kiểm soát tiền chất	
1.4.	Tăng cường năng lực các Trung tâm giám định ma túy	
1.5.	Nâng cao năng lực các cơ quan đào tạo, huấn luyện cán bộ phòng, chống ma túy	
2	Cai nghiện	
2.1.	Nâng cao năng lực các cơ sở cai nghiện ma túy	
2.2.	Tăng cường hiệu quả cai nghiện ma túy dựa trên phương pháp cộng đồng trị liệu	
2.3.	Mô hình chương trình tư vấn về phòng ngừa và điều trị cho người nghiện ma túy tại cộng đồng và gia đình	
2.4.	Phòng, chống tái nghiện cho đối tượng sau cai ở cộng đồng	
2.5.	Mô hình cai nghiện và giải quyết vấn đề xã hội sau cai nghiện	

3	Giảm cầu	
3.1.	Phòng ngừa HIV/AIDS trong người nghiện ma túy thông qua việc lồng ghép với các can thiệp giảm cầu (Giai đoạn II)	
3.2.	Giáo dục phòng, chống lạm dụng ma túy trong học sinh, sinh viên (Giai đoạn II)	
3.3.	Phòng ngừa lạm dụng ma túy nơi công sở (Giai đoạn II)	
4	Giảm cung	
4.1.	Chương trình phát triển kinh tế – xã hội nhằm thay thế cây thuốc phiện ở huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	
4.2.	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm thay thế cây thuốc phiện ở huyện Tủa Chùa, tỉnh Lai Châu	
4.3.	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm thay thế cây thuốc phiện ở huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	
5	Pháp luật	
5.1.	Tăng cường năng lực và xây dựng hệ thống pháp luật về rửa tiền và kiểm soát tiền chất	

Số: 01/KH-BCĐ138/CP Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2005

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg
ngày 8 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ
về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09/CP và
Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm đến năm 2010**

Thực hiện Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg ngày 8 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09/CP và Chương trình Quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ đến 2010”, Ban Chỉ đạo 138/CP yêu cầu các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu, yêu cầu và biện pháp công tác trọng tâm sau đây:

I. Mục tiêu, yêu cầu

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của chính quyền, vai trò tham mưu, hướng dẫn, nòng cốt của lực lượng công an và sự tham gia tích cực của các đoàn thể, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình

huống, phục vụ công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và bảo đảm cuộc sống yên lành của nhân dân. Tăng cường kỷ cương pháp luật, sự nghiêm minh của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh trấn áp để kiềm chế và làm giảm tội phạm, nhất là tội phạm tham nhũng, tội phạm hình sự có tổ chức, tội phạm về ma tuý, tội phạm xâm hại trẻ em, buôn bán phụ nữ. Tập trung chỉ đạo xử lý nghiêm minh, kịp thời, dứt điểm các vụ án lớn, nghiêm trọng và dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

II. Nội dung, biện pháp công tác trọng tâm

1. Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg ngày 8 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm đến năm 2010. Trong tháng 4 năm 2005 những đơn vị, địa phương chưa tiến hành tổng kết 5 năm cần khẩn trương tiến hành tổng kết, đồng thời triển khai chỉ thị của Thủ tướng và kết luận của Phó Thủ tướng, Trưởng ban Chỉ đạo 138/CP.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 09/CP và Chương trình Quốc gia phòng, chống tội phạm, nội dung Chỉ thị số 37 của Thủ tướng Chính phủ; biểu dương gương người tốt việc tốt, phổ biến, nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến và những kinh nghiệm thực tiễn rút ra từ tổng kết chỉ đạo điểm của Chính phủ tại địa phương, cơ sở.

3. Trong quý III năm 2005 hoàn thành việc tổng kết các đề án của Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, xây dựng kế hoạch tiếp tục thực hiện giai đoạn 2006-2010. Trong quý II năm 2005 trình Chính phủ phê duyệt và có kế hoạch triển khai thực hiện các đề án sau:

- Phòng, chống các loại tội phạm sử dụng công nghệ cao;

- Tăng cường năng lực giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân trong các trại giam;

- Xây dựng Trung tâm thông tin tội phạm;

- Tăng cường năng lực hoạt động của cơ quan điều tra các cấp trong điều tra khám phá các loại án kinh tế, hình sự, ma túy.

4. Sơ kết việc thực hiện các nghị quyết liên tịch, chương trình phối hợp hành động đã ký kết giữa các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương rút kinh nghiệm, hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành, đoàn thể trong phòng, chống tội phạm và xây dựng kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện theo tinh thần Chỉ thị số 37 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tăng cường lực lượng, phương tiện, kinh phí cho các cơ quan bảo vệ pháp luật, trước mắt tập trung kiện toàn, củng cố cơ quan điều tra các cấp theo quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004; xây dựng lực lượng Công an nhân dân “trong sạch, vững mạnh, có bản

lĩnh, có trách nhiệm cao”, làm tốt vai trò tham mưu, hướng dẫn và nòng cốt trong thực hiện Nghị quyết số 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm củng cố các lực lượng bảo vệ chuyên trách và bán chuyên trách, các mô hình nhân dân tự quản, tự phòng.

6. Sử dụng đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Tiếp tục mở các đợt cao điểm phát động quần chúng giáo dục, đấu tranh trấn áp tội phạm trên các tuyến, địa bàn trọng điểm; tăng cường công tác nắm tình hình quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công tác tuần tra kiểm soát; nâng cao tỷ lệ điều tra khám phá tội phạm; truy bắt đối tượng truy nã. Tiếp tục phát động phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh trật tự một cách sâu rộng tại địa bàn cơ sở.

7. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tội phạm, tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm. rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về an ninh trật tự, đảm bảo yêu cầu phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đặc biệt chú ý các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nhà nghỉ, vũ trường, karaoke, internet...) dễ bị tội phạm lợi dụng. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo tình hình tội phạm, thành lập Trung tâm Nghiên cứu tội phạm học và khoa học phòng, chống tội phạm tại Bộ Công an.

8. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống tội phạm về tham nhũng, tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy, trước mắt trong năm 2005 tập trung vào các chủ trương, giải pháp trọng tâm sau:

a) Đối với công tác đấu tranh chống tham nhũng:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010 của Chính phủ một cách cụ thể trong năm 2005. rà soát lại các chính sách kinh tế, thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý để xảy ra tham nhũng, như: quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, thuế, cấp hạn ngạch, đầu tư và sử dụng tài chính của doanh nghiệp nhà nước... Sửa đổi, xây dựng mới các quy định cần thiết nhằm khắc phục sơ hở, hạn chế đến mức thấp nhất những điều kiện phát sinh tiêu cực, tham nhũng.

- Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị... phải có kế hoạch đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, công chức, xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức để xảy ra tham nhũng, tiêu cực. Đẩy mạnh phát hiện, điều tra, khám phá các vụ án tham nhũng. Việc xử lý những cán bộ, công chức có hành vi tiêu cực, tham nhũng phải nghiêm minh, kịp thời.

- Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn dân tham gia cuộc đấu tranh chống tham nhũng, trong đó phải chỉ đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện công khai hoá tất cả các khoản chi tiêu ngân sách của từng cơ quan, đơn vị để quần chúng giám sát; công khai hoá tất cả các dự án xây dựng và mua sắm từ ngân sách nhà nước; những biểu hiện phạm tội tham nhũng chưa đủ căn cứ khởi tố cũng cần công khai để nhân dân biết, giám sát.

- Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền với chống tiêu cực, lãng phí; xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 (2). Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan giúp Chính phủ tổng kết công tác đấu tranh chống tham nhũng; xây dựng dự thảo Luật chống tham nhũng trình Quốc hội. Bộ Công an nghiên cứu, xây dựng kế hoạch chuyên đề chống tội phạm tham nhũng của Ban Chỉ đạo 138/CP để chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác này.

b) Đối với tội phạm có tổ chức:

- Có kế hoạch chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện đề án 3 Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm. Tập trung vào các loại tội phạm có tổ chức: giết người cướp tài sản; buôn bán phụ nữ, trẻ em; tiền giả; ma tuý; các băng nhóm lưu manh côn đồ “đâm thuê, chém mướn”, bảo kê nhà hàng, bến bãi, tội phạm có tổ chức hoạt động liên tỉnh, xuyên quốc gia...

- Sử dụng đồng bộ các lực lượng, có biện pháp kiên quyết ngăn chặn và xoá bỏ các loại tội phạm có tổ chức từ khi manh nha mới xuất hiện, triệt phá tận gốc tổ chức tội phạm không để hình thành các đường dây, ổ nhóm tội phạm nghiêm trọng. Phối hợp chặt chẽ với cảnh sát các nước trong khu vực và quốc tế để đấu tranh có hiệu quả với tội phạm có tổ chức hoạt động xuyên quốc gia, có tính quốc tế.

- Chủ động phát hiện và xử lý thật nghiêm các hành vi “bảo kê” dưới mọi hình thức của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đối với các loại tội phạm. Địa phương nào để xảy ra tội phạm có tổ chức theo kiểu “xã hội đen”, để các băng nhóm tội phạm hoành hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Giám đốc Công an nơi đó phải chịu trách nhiệm.

c) Về chống tội phạm ma tuý

- Chính quyền các cấp, phối hợp với các cơ quan tuyên truyền và đoàn thể nhân dân đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống ma tuý. Áp dụng đồng bộ các biện pháp kiên quyết đấu tranh ngăn chặn hoạt động tổ chức sử dụng ma tuý ở từng địa bàn; xây dựng các địa bàn dân cư không có ma tuý, có kế hoạch đầu tư xây dựng các cơ sở cai nghiện.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng Công an, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Cảnh sát biển trong việc kiểm soát biên giới, ngăn chặn có hiệu quả ma tuý thâm lậu vào Việt Nam. Tập trung lực lượng,

phương tiện phát hiện, bắt giữ những đường dây tội phạm buôn bán, vận chuyển ma túy.

- Tổng kết Chương trình hành động phòng, chống ma túy giai đoạn 2001-2005 và các đề án của Chương trình; nhanh chóng hoàn thành việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật phòng, chống ma túy; triển khai thực hiện đề án tổng thể kiểm soát ma túy qua biên giới; tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực để ngăn chặn ma túy thâm lậu vào Việt Nam.

9. Tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp phòng, chống tội phạm với các nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm có tính quốc tế, có yếu tố nước ngoài... Tham gia đàm phán ký kết, gia nhập và thực hiện các Điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm, đặc biệt là Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng, các Điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm có tổ chức, khủng bố...

III. Phân công trách nhiệm

Ngoài những nhiệm vụ đã được phân công tại Mục II của Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương cần thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể tại kế hoạch này theo sự phân công:

1. *Bộ Công an* có trách nhiệm làm tốt chức năng thường trực, tham mưu, hướng dẫn và nòng cốt xung

kích trong thực hiện Nghị quyết số 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ; củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của cơ quan điều tra theo Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004. Tổng kết đề án 3, 4 và xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2006-2010; chủ trì phối hợp với các bộ, ngành nghiên cứu xây dựng trình Chính phủ phê duyệt bổ sung 4 đề án của Chương trình (đã nêu ở mục 3, phần II) hoàn thành trong quý II năm 2005. Giúp Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em; tổ chức nghiên cứu xây dựng Chương trình bảo vệ người tham gia phòng, chống tội phạm, người tố giác tội phạm, người làm chứng, người bị hại trong vụ án hình sự.

Chỉ đạo mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm trên các tuyến địa bàn trọng điểm; huy động các lực lượng, sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ nắm tình hình, tuần tra kiểm soát, tăng cường quản lý Nhà nước về trật tự xã hội, điều tra, khám phá có hiệu quả các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm về tham nhũng, ma túy và tội phạm có tổ chức. Thành lập trung tâm nghiên cứu tội phạm học, tổ chức nghiên cứu, dự báo tình hình tội phạm, đề xuất chủ trương, biện pháp đấu tranh phù hợp.

2. *Bộ Quốc phòng* chỉ đạo đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong quân đội, chỉ đạo lực lượng Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an trong phòng,

chống tội phạm tại khu vực biên giới, trên biển đặc biệt là phòng, chống ma tuý thẩm lậu vào Việt Nam. Tổ chức quản lý chặt chẽ các loại vũ khí, vật liệu nổ do quân đội quản lý.

3. *Bộ Ngoại giao* phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu cho Chính phủ thực hiện tốt việc hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước và chính sách pháp luật của nước ta; phối hợp đàm phán ký kết, gia nhập các Điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm.

4. *Bộ Văn hoá - Thông tin* chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm để nhân dân nhận thức sâu sắc quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, hình thành trong các tầng lớp nhân dân ý thức tự giác và thái độ không khoan nhượng đối với tội phạm.

5. *Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội* chủ trì cùng các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng quy định về chế độ chính sách đối với những người có công, bị thương, bị hy sinh trong phòng, chống tội phạm. Tổ chức sơ kết, tổng kết và tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 16/2002/NQ-QH về thực hiện thí điểm tổ chức quản lý, dạy nghề tạo việc làm cho người sau cai nghiện ma tuý tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố.

6. Các Bộ: *Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính* rà soát lại các quy định và thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi trách nhiệm, đặc biệt là các lĩnh vực: quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, thuế, quản lý tài chính của doanh nghiệp nhà nước... khắc phục ngay những sơ hở, thiếu sót có phát sinh tiêu cực, tham nhũng. Phối hợp với Bộ Công an tổ chức quản lý Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm theo cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia theo Quyết định số 59/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

7. Bộ Tư pháp tiến hành tổng kết đề án 2, xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2006-2010; phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng, bổ sung các đề án Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và Chương trình bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, người bị hại trong các vụ án hình sự. Phối hợp tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản, thuế, quản lý đất đai... khắc phục những sơ hở mà tội phạm có thể lợi dụng.

8. Các ngành *Giáo dục và Đào tạo, Giao thông Vận tải, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thương mại, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam...* tiến hành rà soát lại các quy định, thủ tục hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực của mình, khắc phục sơ hở,

thiếu sót mà tội phạm về tham nhũng có thể lợi dụng hoạt động. Xây dựng kế hoạch đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, công chức, thực hiện công khai trong các thủ tục chi tiêu ngân sách tạo điều kiện cho cán bộ, nhân dân tham gia giám sát.

9. Đề nghị *Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* tiến hành tổng kết đề án 1 của Chương trình, tiếp tục cùng các tổ chức thành viên chỉ đạo đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia phát hiện tố giác tội phạm, cảm hoá giáo dục người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mặt trận phòng, chống tội phạm. Phối hợp cùng các bộ, ngành tổng kết các nghị quyết liên tịch, chương trình phối hợp hành động đã ký kết.

10. Đề nghị *Viện Kiểm sát nhân dân tối cao* phối hợp với các ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, hoàn chỉnh hệ thống thống kê tội phạm, thống kê hình sự thống nhất trong toàn quốc; *Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*, *Toà án nhân dân tối cao*, *Ban Nội chính Trung ương* phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Chính phủ trong công tác xử lý tội phạm đảm bảo nghiêm minh, kịp thời, đặc biệt là đối với các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm về tham nhũng, ma tuý.

11. *Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương* có trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác phòng, chống tội phạm tại địa phương. Căn

cứ tình hình thực tế tại địa phương mình và các nội dung chỉ đạo của Chính phủ để xây dựng kế hoạch thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương căn cứ Nghị quyết số 09/CP, Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, Chỉ thị 37/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và nội dung, yêu cầu tại kế hoạch này xây dựng Kế hoạch thật cụ thể thực hiện và báo cáo Ban Chỉ đạo 138/CP trong tháng 4 năm 2005 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Tổ chức kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm theo Quyết định số 59/2004/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo 138/CP.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân, xây dựng môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh, hạn chế và đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực, tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Ban Chỉ đạo 138/CP sẽ tổ chức các đoàn kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm tại một số Bộ, ngành, địa phương trong cả nước. Các địa phương cần tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện, kịp thời phát hiện và điều chỉnh những biểu

hiện không đúng, nhân rộng những cách làm hay, kinh nghiệm tốt, những mô hình, điển hình tiên tiến trong phòng, chống tội phạm.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương phải thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hàng quý và đột xuất về tình hình kết quả thực hiện Nghị quyết số 09/CP, Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm tại Bộ, ngành, địa phương mình về Ban Chỉ đạo 138/CP (qua Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

4. Bộ Công an có trách nhiệm thường trực giúp Chính phủ theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch này.

**PHÓ THỦ TƯỚNG THƯỜNG TRỰC CHÍNH PHỦ
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO 138/CP**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Quy định việc đưa người nghiện ma túy,
người bán dâm không có nơi cư trú nhất định
vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm ngày 17 tháng 3 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định đối tượng, thẩm quyền, thủ tục lập hồ sơ, ra quyết định và chế độ đối với người nghiện ma túy, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh trong thời gian chờ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh.

Điều 2. Đối tượng bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

Những đối tượng sau đây bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh:

1. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên bị bắt quả tang sử dụng trái phép chất ma túy mà không có nơi cư trú nhất định.

2. Người bán dâm từ đủ 16 tuổi đến 55 tuổi bị bắt quả tang thực hiện hành vi bán dâm hoặc người bán dâm có tính chất thường xuyên mà không có nơi cư trú nhất định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Người không có nơi cư trú nhất định" là người không xác định được nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú và thường xuyên đi lang thang, không có nơi ở cố định; người có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú nhưng không sinh

sống tại đó mà thường xuyên đi lang thang, không có nơi cố định.

2. "Đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh" là biện pháp ngăn chặn và bảo đảm áp dụng xử lý vi phạm hành chính do Trưởng Công an cấp huyện quyết định buộc các đối tượng quy định tại Điều 2 của Nghị định này phải lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh trong thời gian tiến hành thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với họ.

3. "Khu vực lưu trú tạm thời" là khu vực riêng được lập ra tại cơ sở chữa bệnh để các đối tượng được quy định tại Điều 2 của Nghị định này lưu trú tạm thời trong thời gian tiến hành thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh.

4. "Cơ sở chữa bệnh" là các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội được thành lập theo quy định tại Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây gọi tắt là Nghị định 135/2004/NĐ-CP).

Điều 4. Thời hạn đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

Thời hạn lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh đối với người nghiện ma tuý, người bán dâm không được quá 15 ngày.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

Trưởng công an cấp huyện quyết định việc đưa người vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

Điều 6. Nguyên tắc áp dụng biện pháp đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

1. Việc đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh phải theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh chưa bị coi là bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh.

3. Bảo đảm tôn trọng danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khoẻ và tài sản của người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ cho việc cải tạo, sửa chữa, xây dựng khu vực lưu trú tạm thời, mua sắm các phương tiện phục vụ lưu trú và quản lý người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh bao gồm: chi phí ăn, mặc, sinh hoạt, học tập, lao động, chữa bệnh và các chi phí khác theo quy định của pháp luật do ngân sách

nhà nước cấp và được bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm cho hoạt động của cơ sở chữa bệnh.

Chương II

THỦ TỤC ĐƯA VÀO LƯU TRÚ TẠM THỜI TẠI CƠ SỞ CHỮA BỆNH

Điều 8. Lập hồ sơ đề nghị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

1. Lực lượng công an khi phát hiện đối tượng quy định tại Điều 2 của Nghị định này thì lập biên bản và hồ sơ theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp đối tượng do công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), công an cấp huyện trực tiếp phát hiện thì lập biên bản và hồ sơ báo cáo Trưởng công an cấp huyện.

3. Trường hợp đối tượng do công an tỉnh, công an thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) trực tiếp phát hiện thì lập biên bản và hồ sơ chuyển cho công an cấp huyện nơi đối tượng có hành vi vi phạm để Trưởng Công an cấp huyện xem xét, quyết định.

Điều 9. Xem xét, quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

Trên cơ sở biên bản và hồ sơ về đối tượng bị đề nghị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh do công an các cấp gửi đến, trong thời hạn quy định tại Điều 1 của Nghị định này, Trưởng Công an cấp huyện

xem xét, quyết định việc đưa đối tượng vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh theo quy định của địa phương.

Điều 10. Hồ sơ đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

Hồ sơ đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh gồm:

1. Biên bản về hành vi vi phạm pháp luật của người đó và kết quả xét nghiệm chất ma túy (đối với người nghiện ma túy).

2. Bản lý lịch tự khai của người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

3. Bản xác minh đối tượng không có nơi cư trú nhất định.

4. Quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh của Trưởng Công an cấp huyện.

Điều 11. Thời hạn quyết định việc đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

1. Thời hạn xem xét quyết định việc đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh không quá 12 giờ, trường hợp cần thiết, thời hạn này có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 24 giờ; đối với vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo thì thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 48 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu tạm giữ người vi phạm theo quy định tại Điều 44 và 45 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành

chính. Quá thời hạn trên mà Trưởng Công an cấp huyện không ra quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh thì phải thả ngay người đã bị tạm giữ.

2. Thủ tục, thẩm quyền tạm giữ người và chế độ đối với người bị tạm giữ được thực hiện theo quy định của pháp luật về tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Điều 12. Gửi quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

Quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được gửi cho người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an, Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm và gia đình hoặc thân nhân của người đó (nếu có).

Điều 13. Nội dung quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

Quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú (nếu xác định được) của đối tượng bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh; hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng và điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; thời hạn và nơi thi hành quyết định; quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết

định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thi hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

1. Cơ quan công an cấp huyện nơi đối tượng có hành vi vi phạm có trách nhiệm đưa đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

2. Thời hạn chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được tính từ ngày đối tượng bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

Điều 15. Thủ tục tiếp nhận người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

Cơ sở chữa bệnh có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh. Khi tiếp nhận người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh thì cơ sở chữa bệnh phải thực hiện các việc sau:

1. Xem xét, quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh và các tài liệu cần thiết khác để đảm bảo việc lưu trú tạm thời đúng người, đúng pháp luật.

2. Lập biên bản giao, nhận hồ sơ và giao, nhận người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh, đồng thời xác định tình trạng sức khỏe của họ.

3. Vào sổ theo dõi danh sách đối tượng bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

4. Phổ biến nội quy cơ sở chữa bệnh cho đối tượng bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh, kiểm tra thân thể và đồ vật mang theo của họ trước khi đưa vào lưu trú tạm thời. Việc kiểm tra thân thể của đối tượng bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh phải do người cùng giới tiến hành ở phòng kín.

5. Đăng ký tạm trú với công an cấp xã nơi cơ sở chữa bệnh đóng trụ sở.

Điều 16. Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh.

Khi đưa người phải chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh thì cơ quan công an cấp huyện phải nhanh chóng phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ của đối tượng theo quy định của pháp luật để gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đối tượng có hành vi vi phạm. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh gồm:

1. Bản tóm tắt lý lịch.
2. Tài liệu về các vi phạm pháp luật của đối tượng.
3. Bản xác minh đối tượng không có nơi cư trú nhất định.
4. Quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh của Trưởng Công an cấp huyện.
5. Bệnh án (nếu có).
6. Biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có).

Trình tự, thủ tục xét đưa đối tượng vào cơ sở chữa bệnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định 135/2004/NĐ-CP.

Điều 17. Thực hiện quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh.

Khi người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh thì cơ sở chữa bệnh chuyển người đó ra khỏi khu vực lưu trú tạm thời để thực hiện quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh.

Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh có quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh thì thời gian lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được tính vào thời gian chấp hành quyết định. Một ngày lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được tính bằng một ngày chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh.

Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi không coi là việc xử lý vi phạm hành chính.

Điều 18. Hết thời hạn chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

1. Nếu hết thời hạn lưu trú tạm thời mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện không ra quyết định đưa đối tượng vào cơ sở chữa bệnh thì Trưởng Công an cấp huyện nơi đã ra quyết định đưa đối tượng vào lưu trú

tạm thời tại cơ sở chữa bệnh quyết định cho đối tượng trở về cộng đồng.

2. Trường hợp hết thời hạn lưu trú tạm thời mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện không ra quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh và Trưởng Công an cấp huyện nơi đã ra quyết định đưa đối tượng vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh vẫn không quyết định cho đối tượng trở về cộng đồng thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đó. Trường hợp này, Giám đốc cơ sở chữa bệnh báo cáo cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Giám đốc công an cấp tỉnh biết, đồng thời quyết định cho đối tượng trở về cộng đồng.

Điều 19. Bảo lãnh hành chính đối với người có quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

1. Trong quá trình xác minh lý lịch hoàn thiện hồ sơ đối tượng, nếu xác định đối tượng có nơi cư trú nhất định thì cơ quan công an cấp huyện nơi đối tượng có hành vi vi phạm chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan công an cấp huyện nơi đối tượng cư trú để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đối tượng cư trú quyết định giao việc bảo lãnh hành chính cho gia đình, tổ chức xã hội nơi đối tượng cư trú. Trường hợp đối tượng là người chưa thành niên thì trách nhiệm bảo lãnh hành chính được giao cho cha, mẹ hoặc người giám hộ.

2. Gia đình, tổ chức xã hội, người được giao trách nhiệm bảo lãnh có trách nhiệm không để đối tượng tiếp tục vi phạm pháp luật vào bảo đảm sự có mặt của đối tượng tại nơi cư trú khi được yêu cầu.

3. Trưởng Công an cấp huyện nơi đã ra quyết định đưa đối tượng vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh có trách nhiệm huỷ quyết định đó.

Điều 20. Thành lập khu vực lưu trú tạm thời

Cơ sở chữa bệnh lập khu vực riêng để quản lý người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh và phải treo biển ghi rõ là: "*Khu vực lưu trú tạm thời*". Trong khu vực lưu trú tạm thời phải tách riêng những đối tượng sau:

1. Phụ nữ.
2. Người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.
3. Người chưa thành niên. Trong khu vực người chưa thành niên cũng tách nam riêng, nữ riêng.

Điều 21. Tạm thời đưa người đang chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh ra khỏi cơ sở chữa bệnh theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

1. Việc tạm thời đưa người đang chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh ra khỏi cơ sở chữa bệnh chỉ được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự.

2. Văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phải ghi rõ:

a) Cơ quan, họ và tên, chức vụ, cấp bậc của người yêu cầu.

b) Họ và tên, tuổi, địa chỉ, ngày bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh và hành vi vi phạm pháp luật của người được tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh;

c) Mục đích và thời hạn tạm thời đưa người đang chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh ra khỏi cơ sở chữa bệnh;

d) Họ và tên, chức vụ, cấp bậc của cán bộ trực tiếp tiếp nhận người đang chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh.

Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tạm thời đưa người đang chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh ra khỏi cơ sở chữa bệnh phải ghi rõ ngày, tháng, năm và ký tên thủ trưởng cơ quan, đóng dấu vào văn bản yêu cầu tạm thời đưa người đang chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh ra khỏi cơ sở chữa bệnh.

3. Cơ quan có yêu cầu đưa người đang chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh ra khỏi cơ sở chữa bệnh chịu trách nhiệm đưa đối tượng đi và trả lại cơ sở chữa bệnh đúng thời hạn đã ghi trong văn bản yêu cầu tạm thời đưa người đang

chấp hành quyết định lưu trú tạm thời ra khỏi cơ sở chữa bệnh. Khi giao, nhận đối tượng cơ sở chữa bệnh phải lập biên bản giao, nhận. Trường hợp quá thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho Giám đốc cơ sở chữa bệnh biết. Thời gian tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh được tính vào thời hạn 'chấp hành quyết định.

4. Giám đốc cơ sở chữa bệnh yêu cầu cán bộ trực tiếp thực hiện việc tạm thời đưa người đang chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh ra khỏi cơ sở chữa bệnh phải giao đầy đủ các văn bản quy định tại các khoản 2 và 3 của Điều này để xem xét, kiểm tra nhằm đảm bảo đúng người và lập thủ tục giao nhận người, có ghi rõ tình trạng sức khỏe của người đó.

5. Cơ sở chữa bệnh phải lập sổ theo dõi việc tạm thời đưa người đang chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh ra khỏi cơ sở chữa bệnh.

Chương III

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ ĐƯA VÀO LƯU TRÚ TẠM THỜI TẠI CƠ SỞ CHỮA BỆNH

Điều 22: Chế độ quản lý, giáo dục

Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh phải chịu sự quản lý, giáo dục và tuân thủ nội quy của cơ sở chữa bệnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23: Chế độ ăn, mặc

1. Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức trợ cấp tiền ăn cho người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh. Tiêu chuẩn, định lượng ăn của người lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh như tiêu chuẩn, định lượng ăn của người đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh tại cơ sở chữa bệnh đó.

2. Trong thời gian lưu trú tạm thời, người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được sử dụng quần áo, chăn, màn của cá nhân. Trong trường hợp người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh thiếu quần áo, chăn, màn thì cơ sở chữa bệnh sẽ cho mượn.

Điều 24. Chế độ ở

Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được sắp xếp ở trong các phòng tập thể. Tùy lứa tuổi, tính chất, mức độ vi phạm, giới tính và sức khỏe mà sắp xếp chỗ ở cho phù hợp. Phòng ở phải đảm bảo thoáng mát về mùa hè, kín gió về mùa đông, hợp vệ sinh môi trường. Diện tích nằm tối thiểu cho mỗi người là 2,5 m². Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được nằm riêng giường hoặc sàn nằm, có chiếu, chăn, màn.

Điều 25. Chế độ đi lại, thông tin, sinh hoạt

1. Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được tự do đi lại trong phạm vi khu vực lưu trú

tạm thời; được mua sắm, chi tiêu cho những nhu cầu bản thân; được gặp thân nhân (người đến thăm phải có chứng minh nhân dân); được nhận và gửi thư; được nhận tiền, quà, chăn màn, quần áo, thuốc chữa bệnh, đồ ăn và các đồ dùng sinh hoạt cá nhân thiết yếu khác do thân nhân gửi tới; được tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các sinh hoạt tập thể khác do cơ sở chữa bệnh tổ chức.

2. Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh không được nhận, mua, sử dụng rượu, bia, các chất kích thích, vật phẩm và các loại văn hoá phẩm bị cấm.

Điều 26. Chế độ chữa bệnh, cai nghiện, học tập và lao động

1. Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được chữa trị, cai nghiện.

2. Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được học các chương trình giáo dục công dân mỗi tuần một buổi, mỗi buổi 4 giờ.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của cơ sở chữa bệnh, Giám đốc cơ sở chữa bệnh có thể bố trí cho đối tượng lao động kết hợp với học nghề phù hợp với độ tuổi và điều kiện từng đối tượng.

Điều 27. Chế độ lưu giữ tài sản

Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được đem theo đồ dùng sinh hoạt cá nhân thiết yếu. Tiền và các tài sản khác của họ mang theo phải

gửi lưu ký tại nơi quy định của cơ sở chữa bệnh và sẽ được trả lại khi họ được thả hoặc chuyển đến nơi khác. Những vật không thể bảo quản được trong thời hạn lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh, nếu phải huỷ bỏ thì Giám đốc cơ sở chữa bệnh ra quyết định huỷ bỏ bằng văn bản. Khi huỷ bỏ phải có sự chứng kiến của người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh và phải lập biên bản về việc huỷ bỏ. Những vật thuộc danh mục cấm theo quy định thì Giám đốc cơ sở chữa bệnh quyết định tạm thời thu giữ, quản lý để trả lại hoặc giao cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận khi đối tượng được thả hoặc chuyển đến nơi khác. Trường hợp cơ sở chữa bệnh làm hư hỏng hoặc mất mát tiền hoặc tài sản gửi lưu ký của người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh thì phải bồi thường cho họ.

Điều 28. Chế độ đối với người bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo

1. Trong trường hợp người đang chấp hành quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của cơ sở chữa bệnh thì được chuyển tới bệnh viện của Nhà nước. Thời gian điều trị được tính vào thời gian chấp hành quyết định. Đối với trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng chữa khỏi thì được miễn hành phần thời gian còn lại trong quyết định.

2. Chi phí điều trị trong thời gian nằm viện do cơ sở chữa bệnh chi trả từ ngân sách nhà nước. Bộ Tài

chính chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể mức chi trả chi phí điều trị cho đối tượng quy định tại Điều này.

Điều 29. Chế độ đối với người bị chết

Trong thời gian đang chấp hành quyết định, nếu người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh bị chết thì Ban Giám đốc cơ sở chữa bệnh phải báo ngay cho cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan y tế nơi gần nhất đến xác nhận nguyên nhân chết, có người làm chứng. Trong trường hợp cần thiết có thể trưng cầu giám định pháp y để xác định nguyên nhân tử vong, đồng thời thông báo cho thân nhân người chết biết để mai táng. Trong thời gian 24 giờ mà không xác định được nhân thân người chết hoặc thân nhân không đến kịp thì Ban Giám đốc cơ sở chữa bệnh có trách nhiệm tổ chức mai táng. Chi phí giám định pháp y, chi phí mai táng do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC ĐƯA NGƯỜI VÀO LƯU TRÚ TẠM THỜI TẠI CƠ SỞ CHỮA BỆNH

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

1. Kiểm tra, giám sát việc đưa các đối tượng vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh, đảm bảo các hoạt động đó theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương quy hoạch khu vực lưu trú tạm thời; tổ chức tiếp nhận người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

3. Phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc cơ sở chữa bệnh trong việc thực hiện quản lý, giáo dục người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Công an

Bộ Công an có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan công an các cấp trong việc bắt giữ và quyết định đưa người vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo việc tổ chức đưa người vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan công an các cấp thực hiện các chức năng khác liên quan đến việc áp dụng biện pháp đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức trợ cấp tiền thuốc chữa bệnh; tiền học nghề, tiền mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết và các khoản

chi phí khác cho người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định này.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở chữa bệnh đóng tại địa phương mình hoàn thành nhiệm vụ.

3. Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan trong việc tổ chức và quản lý các cơ sở chữa bệnh tại địa phương mình; hướng dẫn, chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo cơ sở chữa bệnh bảo đảm chỗ ăn, ở cho đối tượng không có nơi cư trú nhất định trong thời gian tiến hành thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với họ.

Chương V

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO - KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện hành chính

1. Người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh hoặc người đại diện hợp pháp của người đó có

quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính về quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh trái pháp luật.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo hành vi trái pháp luật trong việc đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

3. Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 35. Khen thưởng và xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền thực hiện việc đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh

1. Cá nhân, tổ chức có thành tích trong tổ chức thực hiện việc đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

2. Người có thẩm quyền trong thực hiện việc đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh mà dung túng, bao che cho hành vi trái pháp luật; xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 37. Hướng dẫn thi hành

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn chi tiết, kiểm tra và báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Nghị định này.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(Đã ký)
Phan Văn Khải

Số: 150/2000/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**Về việc phê duyệt Chương trình hành động
phòng, chống ma túy giai đoạn 2001-2005**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an, Phó Chủ tịch Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm (Tờ trình số 1724/C11 (VPU) ngày 18 tháng 10 năm 2000) về việc phê duyệt Chương trình hành động phòng, chống ma túy giai đoạn 2001-2005,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hành động phòng, chống ma túy giai đoạn 2001-2005 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT/ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHÓ THỦ TƯỚNG
(Đã ký)
Phạm Gia Khiêm

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 150/2000/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ)*

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06/CP ngày 29 tháng 01 năm 1993 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, căn cứ tình hình thực tiễn trong nước và trên cơ sở Chương trình phòng, chống và kiểm soát ma túy toàn cầu của Liên Hợp Quốc giai đoạn 1998-2008, Thủ tướng Chính phủ quyết định triển khai “Chương trình hành động phòng, chống ma túy giai đoạn 2001-2005”.

Phần thứ nhất

MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ

1. Quán triệt phương châm phòng ngừa là cơ bản, phát động toàn dân, toàn quân đấu tranh phòng, chống và đẩy lùi tệ nạn ma túy, trước hết là trong học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên và trong cán bộ, công nhân, viên chức, giải quyết về cơ bản tệ nghiện ma túy trong trường học; phòng ngừa nguy cơ lạm dụng ma túy dẫn đến lây nhiễm HIV/AIDS. Tổ chức cai nghiện

và quản lý sau cai nghiện ở gia đình, cộng đồng để hàng năm làm giảm từ 10-20% số người nghiện ma túy. Phấn đấu năm 2005 cả nước có 60% số xã, phường không có người nghiện ma túy và phạm tội ma túy, 70% số cơ quan, xí nghiệp, đơn vị không có người nghiện ma túy.

2. Xoá bỏ về cơ bản diện tích trồng cây có chất ma túy; có giải pháp thay thế cây trồng để chống tái trồng cây có chất ma túy, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác, góp phần từng bước nâng cao đời sống của nhân dân vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

3. Đẩy mạnh công tác kiểm soát nhằm ngăn chặn việc buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép các chất ma túy; phòng ngừa, ngăn chặn sự xâm nhập của ma túy từ nước ngoài vào nước ta; xử lý nghiêm các tội phạm về ma túy; xoá bỏ triệt để các tụ điểm buôn bán, tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy. Tăng cường quản lý chặt chẽ các loại dược phẩm gây nghiện; kiểm soát chặt chẽ các tiền chất nhằm ngăn chặn việc sản xuất trái phép các chất ma túy.

4. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống ma túy; đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về tác hại của ma túy và các biện pháp phòng ngừa ma túy.

5. Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy với các nước láng giềng, các nước trong khu vực ASEAN, các nước khác, các tổ chức phi

chính phủ trên thế giới, các tổ chức quốc tế và Chương trình Kiểm soát ma tuý quốc tế của Liên Hợp Quốc (UNDCP).

Phần thứ hai
XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CÁC ĐỀ ÁN PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ
GIAI ĐOẠN 2001-2005

I. Đề án thứ nhất: Thông tin, tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma tuý

1. Mục tiêu:

Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma tuý sâu rộng trong cả nước, đặc biệt là trong học sinh, sinh viên, thanh, thiếu niên và đối tượng nghiện ma tuý, nhằm tạo ra phong trào toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống ma tuý.

2. Yêu cầu:

- Phối hợp đồng bộ các phương thức, hình thức thông tin, tuyên truyền (truyền thông đại chúng, truyền thông trực tiếp và truyền thông qua các loại hình văn hoá, nghệ thuật) để tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ và nhân dân.

- Căn cứ vào các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực phòng, chống ma tuý, đảm bảo việc thông tin, tuyên truyền, giáo dục

toàn diện, thường xuyên nhưng có trọng điểm, đúng đối tượng.

- Với phương châm giáo dục phòng ngừa là chủ yếu, coi trọng việc biểu dương các nhân tố tích cực, điển hình, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong công tác phòng, chống ma tuý.

- Lồng ghép công tác thông tin, tuyên truyền phòng, chống ma tuý với công tác tuyên truyền các chương trình kinh tế - xã hội khác, nhất là với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá".

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền phòng, chống ma tuý trong các địa bàn dân cư, các tổ chức kinh tế - xã hội và trong thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên, nhằm tạo ra phong trào toàn dân lên án, phát hiện, tố giác và tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm ma tuý; tổ chức giáo dục cai nghiện, quản lý người nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng dân cư.

- Đưa các nội dung giáo dục phòng, chống ma tuý vào giảng dạy trong trường học.

- Tăng cường công tác truyền thông trực tiếp; nghiên cứu, biên soạn, phát hành các tài liệu về tác hại của ma tuý, biện pháp phòng, chống ma tuý nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về phòng, chống ma tuý đến toàn thể nhân dân.

3. Cơ quan thực hiện:

Bộ Văn hoá - Thông tin chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, đoàn thể có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện đề án.

II. Đề án thứ hai: Xoá bỏ và thay thế việc trồng cây có chất ma tuý

1. Mục tiêu:

Phát triển thay thế cây có chất ma tuý để xoá bỏ về cơ bản diện tích trồng cây có chất ma tuý và chống tái trồng cây có chất ma tuý.

2. Yêu cầu:

- Tập trung chỉ đạo việc xoá bỏ và không tái trồng cây thuốc phiện, cây cần sa; ngăn chặn sự xâm nhập của cây côca vào Việt Nam, trọng điểm là xoá bỏ cây thuốc phiện và phát triển cây thay thế ở 3 tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Nghệ An; phát hiện để xử lý có hiệu quả các trường hợp vi phạm.

- Lồng ghép chương trình hành động phòng, chống ma tuý với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác, giải quyết cơ bản tình trạng tái trồng cây có chất ma tuý để xoá đói giảm nghèo, ổn định đời sống nhân dân ở 10 tỉnh trước đây có trồng các loại cây này.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Dự án về phát triển kinh tế - xã hội, xoá bỏ việc trồng cây thuốc phiện ở huyện Kỳ Sơn (Nghệ An); triển khai Dự án

phát triển kinh tế - xã hội nhằm thay thế cây thuốc phiện ở huyện Sông Mã (Sơn La) để rút kinh nghiệm và nhân rộng ra các địa bàn khác:

3. Cơ quan thực hiện:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Miền núi và các Bộ, ngành, đoàn thể có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện đề án.

III. Đề án thứ ba: Đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy và kiểm soát tiền chất ma túy

1. Mục tiêu:

Ngăn chặn về cơ bản việc buôn bán, tàng trữ và vận chuyển trái phép các chất ma túy, nhất là ma túy tổng hợp. Xoá bỏ triệt để các tụ điểm buôn bán, sử dụng trái phép các chất ma túy, đặc biệt là ở thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số địa bàn trọng điểm.

2. Yêu cầu:

- Phát động toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện người nghiện ma túy và tố giác tội phạm ma túy, cảm hoá, giáo dục, cải tạo người phạm tội và nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng dân cư.

- Quản lý chặt chẽ, nghiêm ngặt việc nhập khẩu tiền chất, nguyên liệu có chứa chất ma túy. Tăng cường năng lực cho những cơ quan có trách nhiệm

kiểm soát việc sử dụng hợp pháp các chất ma tuý.
Thực hiện các dự án về quản lý tiền chất ma tuý.

- Phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân, các Đội đặc nhiệm liên ngành chống ma tuý; tăng cường sự phối hợp giữa Công an, Hải quan, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển theo Quy chế phối hợp của Chính phủ để kiểm soát việc buôn lậu ma tuý ở cửa khẩu, biên giới, bến cảng, sân bay, hải phận quốc tế, v.v...

- Phát hiện, điều tra ngăn chặn các đường dây, tổ chức buôn lậu ma tuý (thuốc phiện, hêrôin, ma tuý hướng thần, ma tuý kích thích Amphetamine (ATS), Methamphetamine và Ecstasy). Xoá bỏ triệt để các tụ điểm buôn bán lẻ, tổ chức sử dụng trái phép các chất ma tuý ở các địa bàn đặc biệt là ở thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Lạng Sơn, Nghệ An, Quảng Ninh, Tây Ninh và các khu vực cửa khẩu, sân bay quốc tế, cảng biển.

- Kiểm soát chặt việc buôn bán, xuất nhập, vận chuyển các hoá chất có thể được sử dụng để sản xuất ma tuý. Triệt phá các cơ sở sản xuất ma tuý trái phép và phối hợp với các nước trong việc triệt phá các cơ sở sản xuất ma tuý tại khu vực biên giới giữa Việt Nam và các nước.

- Nâng cao năng lực của các cơ quan hành pháp kiểm soát ma tuý, các đơn vị Công an, chuyên khoa đào tạo cán bộ phòng, chống ma tuý tại các Trường Cảnh sát nhân dân, Hải quan, Bộ đội biên phòng,

Cảnh sát biển thuộc Bộ Quốc phòng và lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ Công an.

- Nâng cao năng lực của các cơ sở giám định tư pháp về ma túy thuộc Bộ Công an, Bộ Y tế và Bộ Công nghiệp. Xây dựng Trung tâm Quốc tế về giám định ma túy thuộc Bộ Công an và các Trung tâm giám định ma túy khu vực tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức phối hợp các ngành Tòa án, Kiểm sát và Công an để thống nhất hành động trong điều tra, truy tố và xét xử các vụ án về ma túy.

- Phối hợp chặt chẽ với Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL), Hiệp hội Cảnh sát Đông Nam Á (ASEANAPOL) và Cảnh sát các nước khu vực Đông Nam Á trong việc trao đổi thông tin, thu thập tin tức, truy nã, bắt giữ tội phạm ma túy.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống ma túy, bao gồm: xây dựng các văn bản dưới luật để hướng dẫn thực hiện Luật Phòng chống ma túy và Bộ Luật hình sự (phần các tội phạm về ma túy) v.v.

3. Cơ quan thực hiện:

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, đoàn thể có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện đề án.